

NGUYỄN THẾ NAM*

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐẠO GIÁO: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, NGHI LỄ VÀ ĐỐI TƯỢNG THỜ CÚNG

Tóm tắt: Đạo giáo Trung Quốc được hình thành từ thời Đông Hán, là kết quả của sự tích hợp và phát triển từ nhiều yếu tố: Vu thuật; sùng bái tự nhiên, sùng bái quỷ thần; thuyết thần tiên và phương thuật; kết hợp với thuyết âm dương; y học và tri thức dưỡng sinh cổ đại... Trong đó, luyện đan cầu thân được trường sinh bất tử và sử dụng bùa chú là hai phương pháp thực hành phổ biến của Đạo giáo, là cơ sở để hình thành Đạo giáo cung đình và Đạo giáo phù chú sau này. Đạo giáo đã được các bậc vua chúa Trung Hoa tiếp nhận và thực hành, từ đó cũng tạo dựng được địa vị vững chắc ở những thời điểm nhất định trong nền chính trị của nhà nước phong kiến đương thời. Mỗi giáo phái Đạo giáo, cũng như Đạo giáo ở các quốc gia khác nhau lại có những khác biệt nhất định trong nghi lễ (trong đó có cả những thực hành tôn giáo mang tính chất bí truyền) và đối tượng thờ cúng, tạo nên sự phức tạp, dân gian hóa và bản địa hóa của Đạo giáo.

Từ khóa: Đạo giáo, lịch sử hình thành, nghi lễ, đối tượng thờ cúng

Mở đầu

Đạo giáo là tôn giáo nội sinh tại Trung Quốc, có nguồn gốc hình thành hết sức phức tạp, trong một quá trình dài, tiếp thu nhiều trào lưu tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo thượng cổ khác như vũ trụ luận về thiên địa, ngũ hành, bát quái, tứ tượng, thuyết về năng lượng, chân khí, thuyết âm dương và Kinh Dịch... Theo Nguyễn Duy Hinh, Đạo giáo Trung Quốc ra đời trên cơ sở ba thành tố: Bao gồm phần lý luận: 1. Hoàng Lão học, tức học thuyết về đường lối trị quốc của Hoàng Đế (thiên đạo); 2. Triết học Lão Tử về Đạo-bản thể. Phần lý luận (học) này kế thừa tín ngưỡng nguyên thủy như thần đạo, vu thuật (bùa chú)

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 30/10/2024; Ngày biên tập: 2/11/2024. Duyệt đăng: 18/11/2024.

để chuyển sang Đạo (tôn giáo). 3- phần thực hành là Phương Tiên đạo (dưỡng sinh), đây là thành tố rất quan trọng. Đạo giáo ngay từ thời Hoàng Lão đã chia thành Đạo giáo sĩ tộc (Đạo giáo cung quán sau này) và Đạo giáo dân gian. Hai con đường cơ bản là phù chú và luyện đan chi phối lịch sử phát triển của Đạo giáo. Đạo giáo dân gian chủ yếu đối lập chính quyền phong kiến. Đạo giáo sĩ tộc chủ yếu ủng hộ chính quyền phong kiến. Còn Tiên đạo chủ yếu thoát tục tiêu điều [Nguyễn Duy Hinh, 2003]: 123]. Hay nói cách khác, mầm mống của Đạo giáo đã không ngừng tiếp nhận ảnh hưởng, thâm nạp nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, như Phương tiên đạo¹, Vu thuật² và các tín ngưỡng dân gian Trung Quốc... để dần chuyển mình biến đổi từ một trào lưu tư tưởng Đạo gia thành một tôn giáo hết sức phức tạp là Đạo giáo. Khi truyền bá sang các vùng đất nằm ngoài lãnh thổ Trung Quốc, Đạo giáo tiếp tục có sự giao thoa, tiếp nạp với các tôn giáo, truyền thống tín ngưỡng bản địa và tiếp tục biến thể.

Đạo giáo tại Trung Quốc đã được bàn tới trong nhiều sách lịch sử, nghiên cứu, như các cuốn sách: 中国道教史 (Lịch sử Đạo giáo Trung Quốc) của Nhậm Kế Dũ (Nxb. Nhân Dân Thượng Hải, 1990); 中国道教发展史略 (Lược sử phát triển của Đạo giáo Trung Quốc) của Nam Hoài Cận (Nxb. Đại học Phúc Đán, 1996); 古今中外宗教概观 (Tổng quan về tôn giáo trong và ngoài Trung Quốc từ xưa đến nay) của Lý Cương (Nhà sách Ba Thục xuất bản, 1997); 道家與道教 (Đạo gia và Đạo giáo) của Trần Cổ Ứng, Phùng Đạt Văn (Nxb. Nhân dân Quảng Đông, 2001); hoặc các bài viết đã được dịch sang tiếng Việt: “Đạo giáo ở Trung Quốc ngày nay: 1980-2002” của Lai Chi-Tim (2004), và bài “Nguồn gốc Đạo giáo và ý nghĩa gợi mở hiện thực của nó” (cùng in trong: Viện Thông tin Khoa học xã hội (2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội),...

Tại Việt Nam trong khoảng hai thập kỷ qua đã có một số sách viết về Đạo giáo được xuất bản hoặc tái bản, chẳng hạn như: *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam* của Nguyễn Đăng Duy (Nxb. Hà Nội, 2001); *Người Việt Nam với Đạo giáo* của Nguyễn Duy Hinh (Nxb. Khoa học xã hội, 2003); *Đạo giáo và những biểu hiện trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam* của Vũ Hồng Vận (Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2017); *Đạo giáo* của Trần Trọng Kim (Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019)... Ngoài ra, còn một số bài viết bàn riêng về Đạo giáo tại Việt Nam như tác giả Chu Văn Tuấn, Hoàng Thị Thu Hương... Các công

trình nêu trên đã đưa ra được một bức tranh đa dạng về Đạo giáo và lịch sử phát triển Đạo giáo tại Trung Quốc và Việt Nam.

Dựa trên phương pháp văn bản học và các tài liệu lịch sử, bài viết này nhằm khái quát chung về lịch sử hình thành, nghi lễ và đối tượng thờ cúng của Đạo giáo.

1. Vài nét về lịch sử hình thành Đạo giáo

Tổ chức Đạo giáo đầu tiên được thành lập là Ngũ Đấu Mễ đạo (五斗米道, tức đạo Năm Đấu Gạo), sở dĩ có tên này vì mỗi người gia nhập đạo phải nộp năm đấu gạo. Giáo phái này còn có tên gọi khác là Thiên Sư đạo, Chính Nhất đạo, Chính Nhất Minh Uy chi đạo... Người sáng lập Ngũ Đấu Mễ đạo là Trương Lăng (còn gọi là Trương Đạo Lăng, hay Tổ Thiên Sư, sinh năm 34 - mất năm 156). Ông vào đất Thục, ngụ ở núi Hạc Minh học đạo, soạn ra bộ *Đạo thư* gồm 24 chương và chuyên làm bùa để trị bệnh. Ông đã kết hợp *Đạo Đức kinh* với *Hà đồ*, *Lạc thư* và các quan niệm về thiên văn, địa lý cổ xưa của Trung Quốc để làm cơ sở lý luận cho đạo của mình. Lão Tử cũng được đạo này tôn là thiên sư và được gọi là Thái Thượng Lão Quân. Năm 215, Tào Tháo chính thức công nhận trào lưu Thiên Sư đạo như một tổ chức tôn giáo.

Trương Thịnh, dòng dõi Trương Lăng, người kế thừa ngôi vị thủ lĩnh Ngũ Đấu Mễ đạo từ chối nhận chức quan của nhà Ngụy do Tào Phi ban cho, mà quy ẩn ở Long Hồ sơn (Giang Tây). Từ đó, Long Hồ sơn trở thành thánh địa của Đạo giáo. Khi Ngũ Đấu Mễ đạo chuyển về Long Hồ sơn đã đổi tên thành Chính Nhất đạo. Đến đời Nguyên, Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt đã cho phép Thiên sư đời 36 của phái này là Trương Tông Diễn quản lý toàn bộ Đạo giáo ở Giang Nam. Đến đời Thiên sư thứ 38 thì toàn bộ các tông phái Đạo giáo ở Giang Nam đã trở thành một phần của Chính Nhất đạo. Vào thời Minh, Chính Nhất đạo còn được đề cao, được quyền thống lĩnh toàn bộ Đạo giáo Trung Hoa. Chỉ đến thời Thanh, Chính Nhất đạo mới mất đi vị thế và suy yếu dần do không có được sự bảo trợ từ triều đình.

Một giáo phái khác là Thái Bình đạo được sáng lập dưới thời Hán Linh Đế (168 - 172), một phần chịu ảnh hưởng của Ngũ Đấu Mễ đạo, một phần kết hợp với các tín ngưỡng trước đó ở phía đông Trung Quốc. Vu Cát soạn quyển *Thần thư* của Đạo giáo, hay còn được gọi là *Thái Bình Kinh* và đặt nền móng về cách thức thực hành tôn giáo của

giáo phái này: dựa trên tư tưởng Hoàng Lão³, kết hợp thuyết âm dương ngũ hành với các loại bùa chú. Nhờ lấy nước bùa (phù thủy) để trị bệnh trong điều kiện xã hội đang dịch bệnh và nổi loạn, nên số lượng tín đồ của giáo phái này thời điểm đó gia tăng đột biến, sau đó người đứng đầu giáo phái là Trương Giác đã lợi dụng tình hình hỗn loạn, lãnh đạo đạo chúng tiến hành khởi nghĩa mà chính sử Trung Quốc gọi là giặc Khăn Vàng.

Ngũ Đấu Mễ đạo đã trải qua hai lần cải cách ở thời Nam Bắc triều (420 - 589) do đạo sĩ Lục Tu Tĩnh và Khâu Khiêm Chi đề xướng. Khâu Khiêm Chi tu theo Tiên đạo, luyện thuật tịch cốc ở núi Hoa Sơn. Ông tuyên truyền rằng mình được Thái Thượng Lão quân ban cho sách, lại nương vào triều đình Bắc Ngụy để kêu gọi cải cách Ngũ Đấu Mễ đạo, từ đó chia ra Nam phái- Bắc phái, mà đại diện của miền Bắc là Khâu Khiêm Chi. Nam phái được cải cách bởi Lục Tu Tĩnh, vốn là một nho sĩ yêu thích tu đạo, ông đề cao việc trai giới và chỉnh lý kinh điển.

Mặc dù được coi là một tôn giáo thống nhất, nhưng Đạo giáo trong các thời kỳ lịch sử tiếp theo tiếp tục có sự hưng-suy-phân-hợp, phát triển và phân hóa thành các chi phái rất đa dạng và phức tạp.

Đạo giáo từ thời Tống-Liêu-Kim-Nguyên (960-1368) bước vào một giai đoạn phát triển, biến đổi mới. Thời Tống xuất hiện một số câu chuyện thần thoại về “Thiên thư”, “Thánh tổ”. Tống Chân Tông còn sai Vương Khâm Nhược, Trương Quân Phòng biên tập, chỉnh lý bộ sách *Đạo tạng*. Tống Huy Tông tin dùng một số đạo sĩ phù lục, dùng mệnh lệnh hành chính để nâng cao địa vị của Đạo giáo Thần Tiên. Giai đoạn chiến sự liên miên giữa Kim, Liêu, Nam Tống, và sự xâm nhập của Mông Cổ khiến cho Đạo giáo giáo dân gian tại Trung Quốc có bước phát triển nhảy vọt, các hoạt động trai tiếu cầu đảo cũng hết sức thịnh hành tại Nam Tống. Nhà Nguyên ra sức lợi dụng Đạo giáo, ban quan phong tước cho thủ lĩnh các phái Đạo giáo và những đạo sĩ có danh tiếng.

Một trong những biểu hiện hưng thịnh của Đạo giáo thời Tống- Nguyên là có sự phân đạo phái xảy ra mạnh mẽ. Các đạo phái mới đua nhau xuất hiện, như Thái Nhất giáo, Đại Đạo giáo, Toàn Chân giáo, Tĩnh Minh đạo, Kim Đan phái, Thanh Vi phái, Thần Tiêu phái, Đông Hoa phái, Thiên Tâm phái, Võ Đang phái,... Từ cuối thời Nam Tống, các phái Đạo giáo tại Giang Nam nằm dưới sự lãnh đạo của Chính

Nhất phái [任繼愈, 1990: 461-462]. Bên cạnh đó, Toàn Chân giáo cũng ra đời và nhanh chóng trở lên lớn mạnh.

Toàn Chân giáo do Vương Trùng Dương lập vào đầu đời Kim (thế kỷ XII). Vương Trùng Dương quản lý giáo phái rất nghiêm, đào tạo được bảy đệ tử xuất sắc nhất, chỉ tuyển chọn những người có căn cơ, tạo thành Toàn Chân Thất Tử. Ông dạy tín đồ học theo “Đạo Đức Kinh”, “Hiếu Kinh”, “Bát Nhã tâm kinh”, cho thấy sự dung hợp giữa Nho - Phật - Lão trong phái Toàn Chân. Đệ tử của ông là Khâu Xứ Cơ khi truyền đạo, đề xướng tam giáo hợp nhất, bỏ thuật luyện ngoại đan và phù thủy cũ, thực hành “tính mệnh song tu”, tức là trước thì luyện Tính, sau tu luyện Mệnh (luyện nội đan Tinh - Khí - Thần). Dưới thời Khâu Xứ Cơ, phái Toàn Chân đạt địa vị ngang ngửa với Chính Nhất đạo.

Đạo giáo Trung Quốc thế kỷ XIV-XV xuất hiện phái Võ Đang, với vai trò quan trọng của Trương Tam Phong. Núi Võ Đang (nơi ông tu luyện) cũng trở thành một trong những “thánh địa” của người luyện võ và tu đạo tại Trung Quốc.

Đạo giáo thời Minh - Thanh (1368-1911) chững lại và dần suy thoái, mà nguyên nhân đến từ cả bên trong (sự mất pháp của các tổ chức tôn giáo) và bên ngoài (mất đi sự chống lưng của giai cấp thống trị, cạnh tranh tôn giáo...). Minh Thái Tổ ban hành sắc lệnh chinh đốn hai tôn giáo Phật, Đạo, lệnh cho đạo sĩ soạn nghi thức trai tiếu. Minh Thành Tổ đề cao thần Chân Vũ, mở rộng các cung quán Đạo giáo ở núi Võ Đang. Một vài hoàng đế triều Minh như Minh Thế Tông, Minh Nghị Tông cũng là những ông vua say mê Đạo giáo ở những mức độ khác nhau. Từ thời Càn Long triều Thanh, địa vị chính trị của Đạo giáo ngày một suy giảm, bị giai cấp thống trị coi là những vật trang trí cho các danh sơn thắng cảnh [任繼愈, 1990: 579-580].

Giáo nghĩa Đạo giáo thời Minh-Thanh tuy không mấy phát triển, nhưng tư tưởng Đạo giáo lại được dân gian hóa thêm một bước, được lưu truyền rộng rãi ra xã hội, thâm nhập vào mọi mặt của đời sống xã hội. Thuật nội đan được thông tục hóa, trở thành thuật dưỡng sinh, truyền bá ra xã hội, ảnh hưởng đến cả tầng lớp Nho sĩ. Một số sách khuyến thiện như *Thái Thượng Lão Quân cảm ứng thiên*, *Văn Xương Đế Quân âm chất văn*,... qua sự định hướng của giới quan lại văn sĩ đã trở thành tài liệu phổ thông tuyên truyền cho luân lý phong kiến, được lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Các sách như *Thái Ất kim hoa tông*

chỉ, Lã Tổ tam bảo tâm đặng, Thiên Tiên kim đan tâm pháp, Lã Tổ đông nguyên ngữ lục,... cũng nối nhau xuất hiện, hoặc giảng giải về kim đan, hoặc đề cao tam cương ngũ thường, thể hiện rõ màu sắc tam giáo hợp nhất. Các loại thần miếu Đạo giáo như miếu Thành hoàng, đền Chân Vũ, đền Quan Đế,... được xây dựng ở nhiều nơi. Các loại tôn giáo dân gian cũng hấp thu nhiều tư tưởng Đạo giáo. Đến cuối thời Thanh, tuy Đạo giáo đã suy vi, nhưng tư tưởng tôn giáo của nó đã trở thành một dạng tín ngưỡng truyền thống, vẫn còn ảnh hưởng rất sâu trong dân gian [任繼愈, 1990: 579-581].

Tổng kết về nguồn gốc hình thành Đạo giáo, Nguyễn Duy Hình cho rằng Đạo giáo được tạo dựng nên từ sáu thành tố ban đầu gồm: một là Vu thuật; hai là sùng bái tự nhiên, sùng bái quý thần; ba là thuyết thần tiên và phương thuật; bốn là đạo học bắt nguồn từ *Đạo Đức kinh* của Lão Tử; năm là thuyết âm dương; sáu là y học và tri thức dưỡng sinh cổ đại. Trong đó luyện đan cầu thân được trường sinh bất tử trở thành nội dung chủ yếu của Đạo giáo chính thống, được triều đình ủng hộ [Nguyễn Duy Hình, 2005: 271]. Cát Hồng (284-364) là nhà luyện đan nổi danh, không những là một đạo sĩ mà còn là nhà hóa học. Phái phù chú cũng trở thành một phái lớn và phát triển mạnh trong dân gian, đối trọng với phái chính thống. Nếu dựa vào tên gọi, có thể chia các nhóm phái Đạo giáo thành 14 đạo, 16 phái, 7 tông, 1 giáo⁴.

* Các tông phái chính

Nhìn chung, chúng tôi thống nhất với một số quan điểm chia Đạo giáo làm ba trường phái:

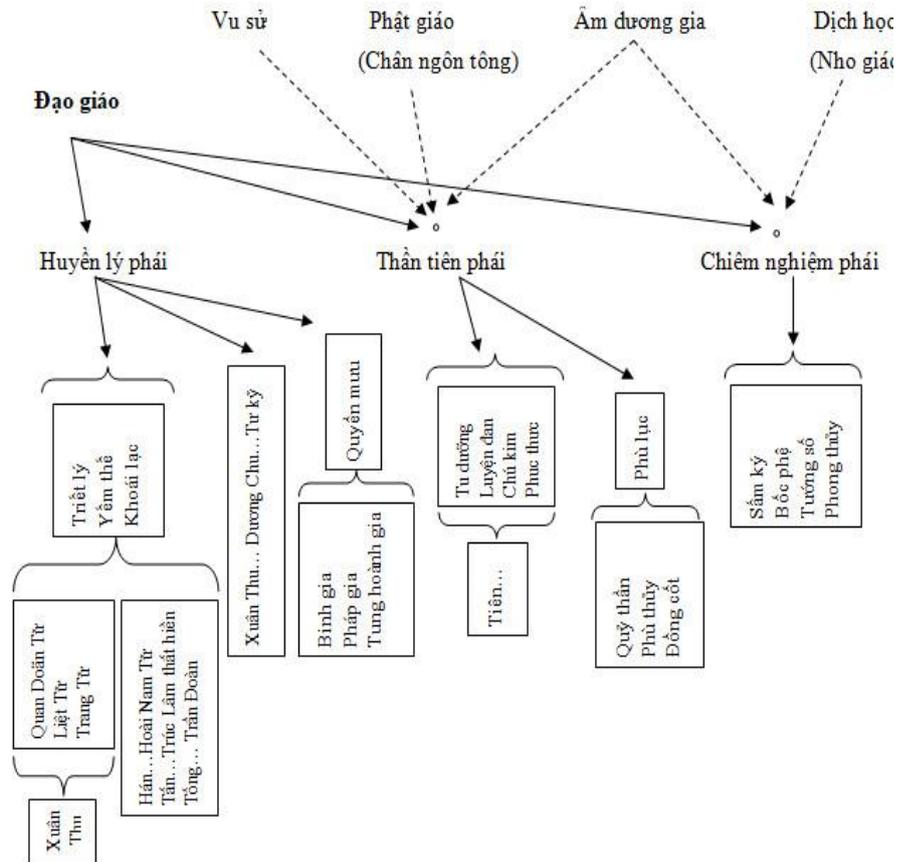
Đạo học chủ trương tu tính thiên về vấn đề giác ngộ, quay về với nội tâm tìm sự thanh tịnh để đạt đạo. Đại diện cho trường phái này là Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử (khoảng thế kỷ thứ IV trước CN) viết *Xung Hư chân kinh*, Quan Doãn Tử viết *Vấn thủy chân kinh*, Trần Hi Di tức Trần Đoàn Lão Tổ (khoảng 900, đầu thời Tống) là người đã sáng lập khoa *Tử vi*.

Tiên học (còn gọi là Đan đạo) khác với Đạo học, là phương pháp tiêm tu, đi từ thấp đến cao, từ thô tới tinh, từ hữu vi đến vô vi; có mục tiêu tu hành là phản lão hoàn đồng, trường sinh bất lão, tức là chủ trương tu tạo nên một xác thân tráng kiện, dần dần tiến đến thân tâm an lạc và cuối cùng mở được tuệ giác và chung cuộc đi đến chỗ thiên nhân hợp nhất, hòa đồng và bình đẳng cùng trời đất. Phái Tiên học

cũng thờ Lão Tử nhưng có ba vị đứng đầu là Đông Hoa Đế Quân Lý Thiết Quả (sống vào thời nhà Hán) tu ở núi Côn Lôn, Chung Ly Quyền (cuối thời Đông Hán, đứng đầu Bát Tiên), và Lã Động Tân (thời Đường).

Đạo giáo dân gian hay Đạo giáo phù thủy do Trương Đạo Lăng sáng lập, có tên là Ngũ Đẩu Mễ đạo (Đạo Năm Đẩu gạo), tôn xưng Lão Tử là Thái Thượng Lão Quân, dùng kinh kệ, bùa chú, phương thuật, tế lễ... để thu hút tín đồ, được hậu thế phong là Trương Thiên Sư.

Trần Trọng Kim chia các nhóm Đạo giáo thành: *Huyền lý phái*, *Thần tiên phái*, *Chiêm nghiệm phái*, với sơ đồ phân nhóm dưới đây. Trong sơ đồ này, Phật giáo Chân ngôn tông và Dịch học của Nho giáo cũng được nhận định là được tiếp thu vào Đạo giáo [Trần Trọng Kim, 2019: 86]:



Ngày nay tại Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông,... Đạo giáo được nhìn nhận là đã đi vào dân gian, nhưng về cơ bản vẫn còn khá thịnh hành. Ở một số vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Hồng Kông, Ma Cao,... vẫn công nhận Đạo giáo là một tôn giáo.

* Thế giới quan

Quan niệm siêu hình cổ đại là một yếu tố quan trọng đã hình thành nên thế giới quan của Đạo giáo, chi phối cách tư duy và hành xử của những người chịu ảnh hưởng từ tôn giáo này. Đó là các khái niệm về âm dương, về ngũ hành, về quy luật chi phối vạn vật (đạo), về thời gian (thiên văn) và không gian (phong thủy), về số mệnh con người (Chu dịch, chiêm bốc, thiên can địa chi...). Đó là nền tảng lý luận, cũng là một bộ phận tạo thành giáo lý và phương pháp thực hành Đạo giáo.

Các quan niệm về Thái Cực, Âm Dương, Tứ Tượng, Bát Quái... là những vấn đề triết học đặc sắc của Đạo giáo, có ảnh hưởng rất sâu đậm đối với văn hóa nhiều quốc gia. Biểu tượng thường thấy của Đạo giáo là Thái cực đồ (vòng Âm dương) ở bên trong của vòng Bát quái xuất phát chính từ *Kinh Dịch*, một trước tác của Nho học. Các thuật tính thiên can, địa chi giúp đạo sĩ tính toán giờ tốt xấu trong quá trình hành nghề và tu đạo, cũng là căn cứ cho các hình thức chiêm tinh Trung Hoa như Tử Vi và Tử Bình, đồng thời cũng đã trở thành một bộ phận trong văn hóa nhiều quốc gia chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa.

* Giới luật

Giới luật của Đạo giáo tương đối phức tạp, đa dạng, tùy thuộc vào từng giáo phái và cấp độ tu tập của tu sĩ mà có các cấp độ áp dụng khác nhau. Có thể kể ra một số giới như: Tượng nhĩ cửu giới; Ngũ giới; Thập giới; Bích ngọc chân cung đại giới qui; Phù Hữu Đế Quân thập giới; Trí tuệ thượng phẩm đại giới; Trí tuệ bệ tắc lục tinh thượng phẩm giới; Trí tuệ độ sinh thượng phẩm giới; Tam động chúng giới văn...

Nói chung, những giới luật này có chỗ “đại đồng tiểu dị”, do vì thời đại đề ra giới luật không giống nhau nên có quan điểm khác nhau chút ít, nhưng tựu trung thì mục đích vẫn thống nhất nhau mà thôi⁵. Một số giới luật cụ thể là:

(1) *Tướng nhĩ cửu giới*: Còn gọi là “Lão Quân tướng nhĩ giới” hay “Đạo đức tôn kinh tướng nhĩ giới”. Giới này xuất phát từ “Đạo Đức Kinh Tướng nhĩ chú”, chia ra làm ba phẩm giới: Thượng, trung, hạ phẩm, tổng cộng là chín điều: Thượng phẩm giới là: Hành vô vi, Hành nhu nhược (giữ sự mềm mại và yếu đuối), Hành thủ thụ vật tiên động (giữ sự nữ tính, không chủ động hành động trước).

Trung phẩm giới là: Hành vô danh, Hành thanh tĩnh, Hành chu thiện (làm các việc thiện).

Hạ phẩm giới là: Hành vô dục, Hành tri chi (biết dừng đúng lúc).

Người thọ giới thượng phẩm thì mới có hy vọng đăng tiên, thọ giới trung phẩm thì có thể thêm tuổi thọ, sống lâu khỏe mạnh, thọ giới hạ phẩm thì được miễn giảm tai nạn.

(2) *Ngũ giới*: Còn gọi là “Lão Quân giới” do Thái Thượng Lão Quân truyền dạy. Năm giới là: Không sát sinh; Không trộm cắp; Không tà dâm; Không vọng ngữ (nói dối); Không uống rượu khi hành lễ. Đạo giáo quy định, đệ tử mới vào đạo thì thụ ba giới, kế là thụ năm giới, trước sau tổng cộng là tám giới.

(3) *Cửu chân giới*: Còn gọi là “Cửu chân diệu giới” là giới luật dành cho vong linh áp dụng. Giới này do chính Cửu Thiên Đế Quân truyền dạy, những ai áp dụng tuân theo thì được thăng cửu thiên, nếu khinh nhờn thì bị xuống cửu địa (địa ngục). Nội dung giới này là: (1) Kính trọng hiếu dưỡng cha mẹ; (2) Trung tín, siêng năng phục vụ vua; (3) Không giết hại, một lòng cứu giúp chúng sinh; (4) Không tà dâm, gìn giữ hạnh tốt, nét na đoan chính; (5) Không trộm cắp, hay giúp đỡ người; (6) Không nóng giận, chửi mắng người; (7) Không dối gạt, gièm siểm người, làm mất tình người; (8) Không tự cao, ngạo mạn khinh người; (9) Một lòng nghiêm trì giới luật, không lơ là vi phạm .

(4) *Sơ chân giới*: Là khuôn vàng thước ngọc dành cho những người mới vào đạo tu trì. Sơ chân giới gồm có: Ngũ giới, bát giới, thập giới và nữ chân cửu giới.

Sơ chân ngũ giới là căn bản của giới Sơ chân, là cửa vào đạo, phương tiện tốt để thanh lọc tâm thức, giúp người thoát khỏi trần tục, cho nên, người muốn đi vào pháp môn tu đạo, cần phải nắm vững và thực hành tốt. Năm giới gồm: (1) Không sát sinh hại vật; (2) Không

đam mê rượu thịt; (3) Không nói lời dối trá, không thật với lòng; (4) Không gian tham trộm cướp; (5) Không tà dâm.

Sơ chân bát giới là lấy năm giới kể trên làm căn bản, thêm giới thứ sáu là không ngồi, nằm giường to, cao, rộng; giới thứ bảy là không sử dụng đồ trang sức vàng bạc, dầu thơm, lụa là gấm vóc; giới thứ tám là không nghe âm nhạc ca xướng, không xem hát kịch.

Sơ chân thập giới gồm có: (1) Không bắt trung bắt hiếu, bắt nhân bắt tín, làm hết sức mình trọn đạo vua tôi, tôn trọng muôn vật; (2) Không âm mưu hại người, chiếm vật làm lợi cho bản thân, mà trái lại phải thi hành âm đức sâu dày, cứu giúp chúng sinh rộng rãi; (3) Không được sát hại sinh linh, để phục vụ cho vị ngon thức béo, mà trái lại phải thương yêu muôn vật, phóng sinh cứu mạng, kể cả côn trùng nhỏ; (4) Không được dâm tà bại hoại luân lý, tổn hao linh khí, gìn giữ nét na đoan chính, đức hạnh trọn vẹn; (5) Không dùng cách làm tổn hại người để lợi cho mình, không chia rẽ cốt nhục, luôn lấy tình cảm hòa ái thương yêu người, vật, xử sự tốt đẹp trong thân tộc gần xa; (6) Không chèn ép người giỏi, nói xấu người hiền, hạ nhục người khác để tự nâng cao mình lên, mền trọng nhân tài, giúp sức và tạo điều kiện tốt để họ phát huy; (7) Không được rượu thịt say sưa, phung phí tiền của, mà phải sống cuộc sống thanh đạm, có chừng mực, giao du với người lành bạn tốt; (8) Không tham lam, bủn xỉn, vor vét tiền của làm tài sản riêng tư, bo bo giữ của không bố thí, mà phải siêng năng cần mẫn, tiết kiệm để có điều kiện trợ giúp người khác; (9) Không giao thiệp với kẻ ác, làm những việc trái pháp luật để kiếm tiền bất hợp pháp; (10) Gìn giữ tư cách đứng đắn, ăn uống, nói năng chừng mực, không hành động, cử chỉ thô lậu, kém tư cách, phi đạo đức.

Xây dựng được nền tảng đạo đức Sơ chân thập giới là nền móng vững vàng cho việc tu hành, người tu hành bậc thấp, cao đều phải giữ.

* Nguyên lý tu tập

“Vô vi nhi vô bất vi” (không làm nhưng không cái gì là không làm) hay “Vô vi nhi trị” (dùng lẽ vô vi mà cai trị)... là những vấn đề mà khi bàn về Đạo giáo hay được nhắc đến. Vô vi nghĩa là không làm, tức là không can thiệp vào môi trường tự nhiên, để con người sống theo tự nhiên và cùng với tự nhiên tiến hóa. Vô Vi gồm: Vô cầu, Vô tranh, Vô đoạt, Vô chấp.

Người thực hành Đạo giáo tin rằng căn nguyên của những phiền não thế tục là do thất tình, lục dục mang đến. Muốn chế ngự được những cảm xúc này ta phải tu tập và tôi luyện để thần khí đạt đến được trạng thái an định, độc lập. Từ đó không những giác ngộ, trường sinh bất lão còn có thể làm chủ được định mệnh của mình sau khi lìa thế.

Tiến trình luyện tập của người thực hành Đạo giáo (chính thống) được chia làm ba giai đoạn:

Luyện tinh hóa khí: Giai đoạn này liên quan đến việc gia tăng và kết tụ nguyên tinh (bản chất nguyên thủy). Sau đó chuyển hóa tinh thành khí bằng những phương pháp thiền định hay những kỹ thuật nội công theo đúng một chu kỳ là 100 ngày.

Luyện khí hóa thần: Sau một thời gian luyện tập, khí được luân chuyển theo đại chu thiên hay chính là pháp giới hậu thiên. Qua giai đoạn này đã đủ nằm ngoài tam giới, không thuộc luân hồi.

Luyện thần phản hư: Giai đoạn tu luyện đưa thần trở về với hư không (vô cực).

Thực hành tu luyện: Những truyền thống tu luyện thân tâm như điều hoà hơi thở, Thái cực quyền, Khí công, Thiền định, thiết tướng linh ảnh, thuật luyện kim và những huyền thuật cũng được hấp thụ với mong cầu đạt được trường sinh.

Nhằm mục đích tôi luyện Thân, Tâm, người thực hành Đạo giáo đề ra ba đường lối để luyện tập:

Kim Đơn Đại đạo: Đường lối này hướng dẫn cách luyện tập tự bản thân vì cho rằng chúng ta có thể đạt được sự trường sinh bất lão hay giác ngộ tự bản thể của mỗi cá nhân. Kim Đơn đạo dưới thời nhà Tấn do Cát Hồng khởi xướng chủ trương tu Tiên bằng hai cách: nội tu và ngoại dưỡng. Nội tu là rèn luyện thân thể bằng phép dưỡng sinh, tịnh luyện tinh - khí - thần. Ngoại dưỡng là dùng kim đan (gọi là thuốc trường sinh luyện bằng các khoáng chất như thần sa, vàng...).

Tính mệnh song tu: Cũng chính là phép tu chủ yếu của người thực hành Đạo giáo, bao gồm Kim đơn và bốn đại phái khác là Thái cực, Phù lục, Kiếm tiên và Huyền chân. Mục đích đều là hoàn đến vô cực dù trời đất có hư hoại vẫn không bị ảnh hưởng, có thể tái lập thiên địa, pháp lực vô biên. Các công phu này vẫn là cực bí mật ít người biết.

Đạo ngoại dục giáo: Cách này chuyên dùng dục liệu để vận hành và kiểm soát khí lực trong khi luyện tập. Những vị như sâm, nhung thường được sử dụng để bào chế phương dục. Theo một số đông Đạo sĩ, dục liệu cũng có nghĩa là khí. Có thể trao đổi hoặc tiếp nhận do đó họ chủ trương lối sống khoáng đạt.

Qua những cách thức luyện tập kể trên, sau đời nhà Tống (960-1367), Đạo giáo lại chia làm hai phái rõ rệt:

Chính Diêu phái: Phái này cực lực lên án việc luyện khí công với đối tượng cùng phái hoặc khác phái tính là trái với luân thường, đạo lý. Họ chủ trương như Phật gia: phương thức dẫn dắt đến sự giác ngộ là tôi luyện chính bản thân mình. Nếu tập luyện với người khác bất kể phái tính nào, cũng sẽ làm tâm trí mất đi nét thanh tịnh gây trở ngại cho việc tu tập.

Thái Dục phái: Phái này chủ trương tu luyện cho thân xác khỏe mạnh và trường thọ để tiêu dao trên cõi trần chứ không đặt nặng phần tâm linh, nên họ lý luận rằng: nếu kết hợp cả ba đường lối kể trên, không những đạt được kết quả mau chóng, còn rất thực tế và hữu dụng. Phái này còn được mệnh danh là phái “Thần Tiên Đan Đỉnh”.

Đạo dẫn khí và thuật nội đan không rõ có từ bao giờ nhưng đã được các phương sĩ và sau này là các đạo sĩ sử dụng. Thuật nội đan là cách hành khí mô phỏng luyện đan. Trước đó có thuật ngoại đan từ thời Chiến quốc hoặc xa hơn. Thuật nội đan được cho là do Thanh Hà tử Tô Huyền Lăng đời Tùy đề ra, nhưng từ thời Đông Hán, các ghi chép như “Lão Tử minh”, “Tiên nhân Vương tử Kiều bí”, “Bão Phác tử” đã nhắc tới khái niệm “đan điền” (từ “đan” trong “nội đan”, “ngoại đan”. Thuật nội đan coi trời đất như lò luyện đan lớn còn bản thân là một lò luyện đan nhỏ, trong đó việc luyện khí hóa thần như luyện đan). Tuy nhiên, các phương pháp tu luyện dẫn khí đã có từ trước.

2. Nghi lễ Đạo giáo

Là một tôn giáo có nguồn gốc hình thành phức tạp, nên cách thức thực hành các nghi lễ của Đạo giáo khá đa dạng, có những khác biệt nhất định theo từng giáo phái. Tuy vậy, về nguyên tắc vẫn có những điểm chung. Nghi lễ Đạo giáo bao gồm thờ và cúng, hướng đến các vị “đạo quân” và quỷ thần. Các thực hành cúng tế đa dạng của Đạo giáo dần đưa tôn giáo này đến những thực hành tôn giáo thần bí, với nhiều

loại tế khí và vật dụng hỗ trợ như bùa chú, vàng mã, chúc văn, nước phép, kiếm, phát trần, phục trang,...

Trên thực tế, nghi lễ của Đạo giáo cũng không nhất thành bất biến mà có sự sáng tạo, tiếp nạp và cải tiến qua nhiều thế hệ, khác biệt nhất định theo trường phái. Trong đó, bùa được Thái Bình đạo dùng để trị bệnh là loại bùa nước, từ đó mới phát sinh khái niệm “phù thủy” để gọi các đạo sĩ ở Việt Nam. Các Đạo phái chịu ảnh hưởng của Thái Bình đạo thường được gọi là Đạo giáo phù thủy, có thiên hướng làm bùa, tổ chức các nghi lễ cầu đảo quỷ thần.

Ngũ Đẩu Mễ đạo được thành lập bởi Trương Lăng có xu hướng gần với Lão tử và các thuật trường sinh hơn so với Thái Bình đạo. Khi Trương Lăng qua đời, con trai là Trương Lỗ tiếp tục lãnh đạo Ngũ đẩu mễ đạo, thành lập 24 giáo khu được gọi là “trị”, lãnh đạo tín đồ trừ bỏ các đền thờ “dâm thần”, coi trọng thuật dưỡng sinh.

Dưới thời Tống Chân Tông, các quan tìm được “*Thiên thư*” mà Tống Chân Tông đã từng nằm mơ thấy đều được ông vua này trọng dụng. Vua Tống Chân Tông thường xuyên tổ chức các lễ tế lớn, tự ảo tưởng đang sống trong cảnh thái bình, còn cho xây cung Chiêu Ứng để thờ cúng Thiên thư, dù lúc bấy giờ ở nước Tống thiên tai triền miên khiến người dân rất đói khổ. Cũng bắt đầu thời Tống Chân Tông, địa vị Ngọc Hoàng được đề cao và tôn xưng là chúa tể của Thiên đình.

Từ Vương Trùng Dương đến Trương Tam Phong, sự thăng thế của dòng Đạo giáo chú trọng việc tu thân, xem nhẹ việc sử dụng các hình thức bùa chú mà Đạo giáo bắt đầu có xu hướng quay trở về với Đạo gia. Trong giai đoạn này, những Đạo sĩ độc lập hướng tới tu luyện chân chính, không thờ quỷ thần, tri thức uyên bác, có địa vị trong xã hội. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, xu hướng thờ quỷ thần lại dần dần chiếm ưu thế tại Trung Quốc.

Nghi thức thực hành Đạo giáo tuy đa dạng, phức tạp, nhưng có thể đưa ra một vài nghi thức thực hành cơ bản dưới đây:

** Nghi thức Trai tiếu:*

Trai tiếu khoa nghi (齋醮科仪) là cụm thuật ngữ khá khó để tìm một thuật ngữ tiếng Việt tương ứng. Khoa nghi 科仪 chỉ hoạt động lập đàn cầu cúng của Đạo giáo. Trai 齋 là trai giới, sạch sẽ, trước lễ phải tắm rửa thay y phục, không uống rượu, không quan hệ tình dục

để thể hiện sự trang nghiêm và lòng thành của người thực hiện nghi thức cầu cúng. Tiểu醮 nghĩa gốc là tế tự, vốn là một lễ nghi cổ đại của Trung Quốc được Đạo giáo kế thừa và phát triển. Nhưng “Một số nghi thức trai tiểu của Đạo giáo được hình thành vào thời Minh như *Đạo pháp hội nguyên* đã thu nhận rất nhiều đạo pháp phù lục” [任繼愈, 1990: 580].

Quá trình thực hiện nghi thức trai tiểu của Đạo giáo là hết sức phức tạp, trước hết là lập đàn (gọi là tiểu đàn, hoặc pháp đàn), mỗi nghi thức trai tiểu khác nhau lại có cách lập đàn khác nhau. Hoạt động trai tiểu quy mô lớn có thể phải lập nhiều đàn, trong đó có chủ đàn (đô đàn) và các phân đàn. Thứ nữa là trong nghi thức trai tiểu, đạo sĩ có một danh xưng và nắm giữ một nhiệm vụ nhất định, thường được gọi là chấp sự. Các thuật ngữ chỉ các vị trí chấp sự khác nhau là: Cao công⁶, giám trai⁷, đô giảng⁸,... Ngoài ra còn có các vị trí như: thị kinh, thị hương, thị đấng, luyện sư, nhiếp khoa, chính nghi, giám đàn, thanh đạo, tri lư, từ sám, biểu bạch,... Trên tiểu đàn phải bố trí sắp đặt các đồ cúng, như đèn hương, chân nến, bình hoa, thẻ hương..., các đồ phục vụ cho nghi lễ như hương, hoa, đèn, nước, quả..., các pháp khí gồm hai loại, một loại dùng để mời thần tiên, quan tổ sư hoặc trừ ác thần tà, như: triều giản, như ý, ngọc sách, ngọc ấn, bảo kiếm, lệnh kỳ, lệnh tiễn, lệnh bài, thiên bông xích, trấn đàn mộc..., một loại là các nhạc khí như náo, sanh, sát, chuông, trống, loa, khánh..., cho đến tràng phiến, phù giản, chương biểu, pháp thủy, thủ lô...

Dựa trên công năng và hình thức có thể phân chia trai tiểu Đạo giáo làm hai loại là nội trai và ngoại trai [李刚], 1997: 74-78]. Nội trai chỉ sự tu tập và thanh tịnh từ bên trong, tập trung vào tinh thần, tư duy, và sự cải thiện bản thân. Đây là quá trình chuẩn bị nội tâm để tham gia vào nghi lễ, bao gồm việc thanh lọc tâm trí, giữ gìn tư tưởng trong sạch và đạo đức. Ngoại trai là sự chuẩn bị và thanh tịnh bên ngoài, bao gồm các hành động, môi trường, và vật phẩm liên quan đến nghi lễ. Đây là sự thanh tẩy không gian vật lý, cơ thể, và hành vi của người tham gia nghi lễ.

Một số nghi thức trai tiểu thường thấy trong Đạo giáo như: Công khóa đàn buổi sáng; nghi thức chúc tướng; nghi thức tế cô; nghi thức chúc thọ; nghi thức khánh hạ; nghi thức tiếp giá; nghi thức đại hồi hương; nghi thức tiến biểu; thủy hỏa luyện độ nghi⁹.

Tuy có sự đa dạng, thậm chí là bí truyền trong các thực hành Đạo giáo, nhưng vẫn có thể rút ra được quy trình một khóa lễ cơ bản¹⁰, với hai phần: Chuẩn bị và hành lễ.

Phần chuẩn bị, gồm: (1) Làm sạch sẽ khu vực làm lễ, chuẩn bị ánh sáng ở những vị trí cần thiết như đèn nến; (2) Xem xét các đồ hoa quả, bát đĩa dùng để sắp lễ đã sạch chưa; (3) Chuẩn bị sớ theo nội dung làm lễ; (4) Tư trang và trang phục của những người làm lễ và chủ lễ trang nghiêm và trịnh trọng; (5) Trong biểu văn và khi khấn phải ghi rõ và đọc rõ đồ cúng có những gì. Khi đọc đến tên vị thần nào phải đọc cách ra và cúi lạy; (6) Trước khi làm lễ phải tắm rửa sạch sẽ; (7) Khi viết tên vào sớ hoặc tên của các vị thần phải tìm dòng hoàng đạo; (8) Khi cúng phải có bàn thờ thiên ngoài trời; (9) Mỗi đĩa có thức ăn mặn phải có một đôi đũa; (10) Khi cúng phải có bàn thờ Thổ Công trước sân và trong cổng thường sẽ để bên phải (ít nhất phải có một đĩa tiền vàng và được phủ khăn vàng) và có nước, rượu, trà; (11) Khi cúng phải có bàn thờ Thổ Địa ngoài cổng bên phải hoặc hướng mặt trời lên (ít nhất phải có một đĩa tiền vàng phủ khăn vàng lên trước khi hóa) và trà, rượu, nước; (12) Trên mỗi ban của lễ lớn phải có đủ các loại hoa quả rượu, gà, chân giò, rượu, bánh, kẹo, tiền, vàng, nến. Thường đồ mặn để ngay chính giữa. Như vậy mỗi lần cúng phải có lễ ở ba nơi: trong nhà (là chính), ngoài sân và trước cổng. Tiền vàng ngoài sân đều có khăn vàng phủ lên. Góc sân dưới đất là thờ Thổ Công, ngoài cổng là Sơn Thần, Thổ Địa. Nếu cúng tế lễ chay, Đạo giáo chọn “tứ hi ngũ quả”, cúng bốn món, sáu món, bảy món hoặc mười món¹¹; (13) Ban nào dùng bặt lửa hoặc nến riêng ban đó (không dùng lửa lẫn lộn để thấp hương).

Trong quá trình lễ không nói chuyện và huyền não khu vực làm lễ; Mỗi lần lễ thường có ít nhất từ 2-4 người phụ lễ hỗ trợ (sắp lễ các nơi, thấp hương, rót mời rượu, mời trà, hóa vàng, mời thần nhận tiền vàng hóa, cùng đọc bài khấn); Người được làm lễ lạy theo người chủ lễ; Khi viết tấu văn phải xưng là đệ tử, nếu người không ở trong đền xưng huyền tu đệ tử, người trong đền xưng là phồn tu đệ tử, những người khác xưng là tín sỹ, tín đồ ...

Phần hành lễ, gồm:

(1) *Dâng hương*: Người nào được làm lễ phải trực tiếp thấp hương sau đó cắm hương bằng tay trái theo vị trí do chủ lễ xác định, một lần

ba cây hương to. Khi dâng hương có một câu chú chung. Sau khi dâng hương rót nước trà vái sau đó đặt vào bàn thờ một cách trình trọng, tiếp tục rót rượu vào cốc vái đặt vào bàn thờ, rót nước lạnh vào cốc vái đặt vào bàn thờ. Người được làm lễ làm mọi động tác theo chủ lễ: Cúi lạy, vái, ..., đồng thời phải tập trung và thành tâm cầu nguyện với mong muốn cho việc làm lễ của mình.

Động tác khi hành lễ: Khi cúng tế, người ta dùng tay trái để cầm nhang vào lư hương. Khi quỳ lạy, bàn tay phải nắm lại, bàn tay trái bao nắm tay phải, đưa hai tay lên giữa hai lông mày rồi quỳ sát xuống đất. Khi lạy xuống thì quỳ gối phải trước rồi mới tới gối trái. Khi đứng lên thì gối trái co lên trước kế đến gối phải rồi toàn thân đứng lên. Cũng có nơi quỳ hai gối xuống và lên cùng một lúc. Trước đây, Đạo giáo lấy hình thức “ba lạy chín khấu” gọi là “lễ kính tối cao”. Nữ cư sĩ thì lạy có khác với nam cư sĩ, hai gối quỳ một lượt, nắm tay chỉ cần đưa ngang cổ rồi xá xuống một cách nghiêm cẩn là được.

Tư thế thấp hương lễ bái: tay phải cầm nhang, tay trái bao ngoài tay phải, đưa lên ngang ngực (không cần phải đưa lên tới ngang hai lông mày hoặc lên khỏi đầu). Đầu nhang hơi nghiêng chéo một chút, nếu xá cao cũng không đưa nhang quá hai lông mày, nếu xá thấp thì từ ngực xá xuống, giống như vẽ thành một nửa vòng tròn. Nếu không cầm nhang thì hai tay nắm lại như trên, đưa lên ngang ngực, đầu cúi xuống thành nửa vòng tròn.

(2) *Đối với sớ văn:* Khi hóa vàng các ban hóa độc lập nhau, khi hóa vàng đọc các câu mời thần đến nhận. Khi hóa các sợi dây buộc các túi và bó tiền cũng phải hóa cùng. Rượu của các ban ngoài sân được tưới lên sau khi hóa vàng. Khi đóng dấu cho sớ có hai vị trí đóng: Dưới tên mình đóng vào chính giữa và ngày tháng làm lễ đóng ở dưới.

(3) *Đối với người thụ giới* (được làm lễ), khi thụ giới xong phải xưng là tấu chức đệ tử, đồng thời phải cảm ơn và hậu tạ cho chủ lễ và nhà đền.

Nhìn chung, nghi lễ của Đạo giáo rất đa dạng và phức tạp, “có đủ các loại, từ lễ Trai nhận bùa ngọc để xá tội cho cả thế gian, đến lễ Trai của từng người để nhận sao, chủ trì số phận của mình. Từng nhóm tín đồ quyên góp để chia chi phí và công đức với nhau trong một dịp lễ” [Vũ Hồng Vận, 2017: 63].

3. Đối tượng thờ cúng của Đạo giáo

Theo Nguyễn Duy Hinh, thần điện Đạo giáo đạt đến quy mô đầy đủ và hoàn chỉnh có thể bắt đầu từ thời đạo sĩ Đào Hoàng Cảnh (457 - 536). Sách *Chân Linh Vị Nghiệp Đồ* chia thần điện Đạo giáo thành bảy cấp, mỗi cấp có một vị thần giữ chính vị (chủ thần), hai bên có các vị thần tiên phù trợ:

Cấp thứ nhất: Nguyên Thủy Thiên Tôn và 29 đạo quân trong đó có Cao Thượng Đạo Quân, Ngọc Hoàng Đạo Quân.

Cấp thứ hai: Thượng Thanh Cao Thánh Thái Thượng Ngọc Thần Huyền Hoàng Đại Đạo Quân với 104 vị thần tiên, trong đó có Nam Nhạc Ngự phu nhân.

Cấp thứ ba: Thái Cực Kim Khuyết Đạo Quân Lý Hoàng (Thái Bình chân quân) với 84 thần tiên, trong đó có Doãn Hi, Cát Huyền, Không Tử, Nhan Hối, Lão Đàm, Trang Tử và các vị hoàng đế như Chuyên Húc, Đế Khốc, vua Thuấn, vua Nghiêu, vua Võ...

Cấp thứ tư: Thái Thanh Thái Thượng Lão Quân vi 174 vị thần tiên trong đó có Từ Phúc, Trương Đạo Lăng, Cát Hồng...

Cấp thứ năm: Cửu Cung Thượng Thư Trương Phụng và 36 thiên tào, tiên quan.

Cấp thứ sáu: Hữu Cầm Lang Định Lục Chân Nhân Mao Cổ với 173 địa tiên.

Cấp thứ bảy: Phong Đô Bắc Âm Đại Đế với 88 quý quan, trong đó có Chu Văn Vương, Tàn Thủy Hoàng, Ngụy Vũ Đế, Công Tôn Độ, Đào Khản, Tào Tháo..." [Nguyễn Duy Hinh, 2003: 169-170].

Tuy nhiên, có thể thấy là không phải thần điện Đạo giáo nào cũng bài trí đầy đủ các tượng thờ như trên, mà có sự bớt xén, thay đổi thậm chí là với những vị thần thuộc diện tối cao, như bộ Tam Thanh. "Đào Hoàng Cảnh rút ra từ hàng vạn thần Đạo giáo đề ra bảy vị thần chính mà sau này có ba vị sẽ hình thành bộ Tam Thanh. Đạo giáo thời kỳ đầu thờ Lão Tử làm giáo chủ dưới danh hiệu Thái Thượng Lão Quân. Đến Cát Hồng đưa ra thuyết Lão Tử học 'Nguyên Quân'. Đến Đào Hoàng Cảnh thì đưa Nguyên Thủy Thiên Tôn lên trên Thái Thượng Lão Quân. Đến đời Đường thì xếp hàng ngang Thái Thượng Đạo Quân - Nguyên Thủy Thiên Tôn - Thái Thượng Lão Quân và gọi là Tam Thanh. Về sau Thái Thượng Đạo Quân đổi thành Linh

Bảo Thiên Tôn, Thái Thượng Lão Quân đổi thành Đạo Đức Thiên Tôn, là bộ ba Tam Thanh thường gặp ngày nay” [Nguyễn Duy Hình, 2003: 170-171].

Theo Nguyễn Đăng Duy, Đạo giáo có thuyết “Nhất khí hóa Tam thanh”, trong đó cao nhất là Ngọc thanh cảnh Thanh vi thiên, tầng giữa là Thượng thanh cảnh Vũ dư thiên, tầng dưới là Thái thanh cảnh Đại xích thiên. Nguyên Thủy thiên tôn ở tầng Thanh vi thiên. Linh Bảo thiên tôn ở tầng Vũ dư thiên. Đạo Đức thiên tôn ở tầng Đại xích thiên. Đạo giáo còn cho rằng, trên ba tầng Tam thanh còn có “thiên ngoại hữu thiên”, đó là Đại La thiên. Và ở dưới ba tầng Tam thanh là nơi có các vì tinh tú. Từ cơ sở lý luận trên, dẫn đến trong đền thờ Đạo giáo được sắp xếp lần lượt như sau:

Trên cao nhất thờ tượng Tam Thanh. Trong đó, ở giữa là ngôi Nguyên Thủy thiên tôn, gọi là Ngọc Thanh; Bên Trái là ngôi Linh Bảo đạo quân, gọi là Thượng Thanh; Bên phải là ngôi Thái Thượng Lão quân đó là Lão Tử, gọi là Thái Thanh.

Tiếp xuống dưới thờ Cửu Diệu tinh quân đó là: Mặt trời, Mặt trăng, Sao Nam Tào, Sao Bắc Đẩu, Sao Thủy, Sao Hỏa, Sao Kim, Sao Mộc, Sao Thổ.

Tiếp xuống dưới nữa thờ quan niệm sinh tử của Đạo giáo, đó là mỗi con người sinh ra tồn tại gắn với một vì sao trên trời, vì sao ấy tắt thì con người gắn với vì sao ấy ở hạ giới cũng chết. Cai quản việc sinh tử đó là Ngọc Hoàng, các phụ tá của Ngọc Hoàng. Coi việc sinh là Nam Tào, coi việc tử là Bắc Đẩu. Vì thế hình thành bộ ba tượng Ngọc Hoàng ngồi giữa, Nam Tào ngồi bên phải, tay cầm quyển sách ghi tên tắt cả con người ở hạ giới, bên trái tượng Bắc Đẩu tay cầm cái bút để xóa sổ Nam Tào. Bộ ba tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu đã xâm nhập khá mạnh vào trong điện thờ Phật ở các ngôi chùa.

Xuống dưới nữa, trong không ít đạo quán còn thờ Bát tiên quá hải, đó là: (1) Chung Ly Quyền sống vào thời Đường, thường được thể hiện cưỡi con rồng, tay cầm quạt tiên, quạt cho người chết sống lại; (2) Trương Quả Lão cũng ở vào thời Đường, luyện được phép trường sinh, thường được thể hiện cưỡi trên con cá kình, tay cầm roi thần; (3) Lã Động Tân sinh năm 755, đậu tiến sĩ nhưng để cả cuộc đời tu tiên truyền đạo, thường được thể hiện cưỡi con long mã, tay cầm thanh gươm thể hiện quyền lực siêu phàm; (4) Hàn Trương Tử đời Đường, thường được

thể hiện cuội trên lưng rùa thần, đang thổi sáo thần; (5) Lý Thiết Quài sống thời Đường, luyện được phép kinh thần, thường được thể hiện cuội trên lưng tôm thần vượt biển; (6) Lam Thái Hòa sống thời Đường, luyện phép tu tiên, được thể hiện cuội trên lưng cá chép (lý ngư); (7) Hà Tiên Cô, thời Đường, học được phép trường sinh, thường được thể hiện cuội trên con cua, tay cầm bông sen”; (8) Tào Quốc Cửu đời Tống, học được bí quyết trường sinh, thường được thể hiện cuội chim phượng, tay cầm xênh phách tấu nhạc tiên. [Nguyễn Đăng Duy, 2001: 126-130]. Vũ Hồng Vận trong công trình nghiên cứu của mình nhắc lại phả hệ thần tiên của phái Mao Sơn, gồm bảy cấp độ cao thấp, mỗi cấp độ có một vị thần chính vị (chủ thần), hai bên có các vị thần tiên phụ trợ. Danh sách có hơn 700 vị thần [Vũ Hồng Vận, 2017: 50-57]. Ngoài ra, theo ông, còn có nhiều phả hệ khác nữa như: *Linh Bảo lược ký, Lão Tử trung kinh, Tam Bảo đại hữu kim thủ...*

Nhìn chung, cách sắp xếp đối tượng thờ cúng tại cơ sở thờ cúng của Đạo giáo còn tùy thuộc vào chủ thể được thờ, điều kiện vật chất và không gian của cơ sở đó, cũng như chủ ý cá nhân của điện chủ.

Thay lời kết

Đạo giáo chính thức hình thành được gần hai thiên niên kỷ, với nền tảng tư tưởng, tôn giáo kế thừa từ nhiều nguồn gốc khác nhau, có gốc rễ rất xa xưa. Và từ khi hình thành đến nay, Đạo giáo cũng có những biến đổi theo thời cuộc, có lúc thịnh, lúc suy, nhưng đã tạo ra những ảnh hưởng nhất định đối với nhiều truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, và cả một số lĩnh vực khoa học. Thực hành Đạo giáo mang nhiều dấu ấn giáo phái và bí truyền nên không hoàn toàn thống nhất. Nhìn chung, Đạo giáo cũng hướng đến những mục tiêu tu thân, tu tâm để sửa con người, kết hợp với y thuật, dưỡng sinh, mong cầu phát triển con người toàn diện, phát triển một xã hội tốt đẹp.

Đối tượng thờ cúng của Đạo giáo hết sức đa dạng và được hình dung một cách rõ ràng. Đạo giáo là tôn giáo đa thần, “kết tập mọi thần linh, từ nhiên thần tới nhân thần theo tín ngưỡng dân gian và sắp xếp thành một phả hệ nhiều tầng lớp” [Vũ Hồng Vận, 2017: 56-57]. Tuy nhiều thần là vậy, nhưng không phải thần điện, đền miếu, cung quán, lầu động nào của Đạo giáo cũng thờ cúng đầy đủ cả hệ thống thần linh trong phả hệ, mà có nơi chỉ thờ phụng một hoặc một vài vị thần trong đại diện

theo lựa chọn của người dân trong khu vực, ví dụ như hiện tượng thờ Chân Vũ Đại Đế; việc thờ cúng các vị thần bản địa, như các trường hợp: thần Độc Cước, các vị thần thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu... Đây cũng là điều thường thấy trong Đạo giáo tại các quốc gia ngoài Trung Hoa./

CHÚ THÍCH:

- 1 Phương Tiên đạo hình thành từ thời Chiến Quốc, là tôn giáo thờ quỷ thần, mong cầu trường sinh, thành tiên. Thuyết thần tiên trường sinh của Phương Tiên đạo chính là khởi nguồn của tín ngưỡng Đạo giáo Thần tiên.
- 2 Vu thuật là tôn giáo nguyên thủy sùng bái tự nhiên và quỷ thần được hình thành từ thời viễn cổ tại các vùng lãnh thổ thuộc Trung Quốc ngày nay. Vu thuật sử dụng các hình thức chiêm bốc, bói toán, cầu đảo quỷ thần để dự đoán vận mệnh, cầu phúc, trị bệnh bằng phù thủy (nước bùa), trục quỷ, trăm quỷ...
- 3 Hoàng Lão: Hoàng là Hoàng Đế, Lão là Lão Tử, là một trào lưu triết học và chính trị mạnh thời Tây Hán, và đến thời Đông Hán thì đã phát triển thành một tôn giáo.
- 4 14 giáo phái tên gọi có chữ Đạo gồm: Bắc Thiên Sư Đạo, Bạch Gia Đạo, Chân Đại Đạo, Chính Nhất Đạo, Lô Quán Đạo, Lý Gia Đạo, Nam Thiên Sư Đạo, Ngoại Đan Đạo, Ngũ Đầu Mễ Đạo, Nội Đan Đạo, Thái Bình Đạo, Thái Nhất Đạo, Toàn Chân Đạo, Tịnh Minh Đạo; 16 giáo phái tên gọi có chữ Phái gồm: Diên Hồng Phái, Du Sơn Phái, Đan Đình Phái, Đông Hoa Phái, Kim Sa Phái, Linh Bảo Phái, Long Môn Phái, Nam Vô Phái, Ngô Tiên Phái, Phù Lục Phái, Thanh Vi Phái, Thần Tiêu Phái, Thiên Tâm Phái, Thượng Thanh Phái, Tử Dương Phái, Tùy Sơn Phái; 7 giáo phái tên gọi có chữ Tông gồm: Bắc Tông, Các Tạo Tông, Kim Đan Phái Nam Tông, Long Hồ Tông, Mao Sơn Tông, Nam Bắc Tông, Nam Tông; Giáo phái tên gọi có chữ Giáo là Huyền Giáo. (Theo: <https://vi.wikipedia.org/>, truy cập tháng 7/2020).
- 5 道教主要戒律 (Giới luật chủ yếu của Đạo giáo), nguồn: 中国道教协会, truy cập tháng 10/2024.
- 6 Cao Công (高功) được coi là người thực hiện các công việc phức tạp và quan trọng nhất trong Đạo giáo, đặc biệt liên quan đến việc kết nối thần linh và bảo trợ cộng đồng. Cao Công chịu trách nhiệm chính trong các nghi lễ lớn, bao gồm các nghi thức trai giới (齋醮), lễ cầu an, cầu siêu, trừ tà, và các lễ tế thần linh.
- 7 Giám trai (監齋) là một chức danh quan trọng, chịu trách nhiệm giám sát và điều hành các nghi lễ, đặc biệt là các nghi lễ trai giới, nhằm đảm bảo rằng các nghi thức tôn giáo được thực hiện đúng quy tắc và quy chuẩn của giáo phái.

- 8 Đồ giảng (都講) là một chức danh quan trọng, thường liên quan đến việc giảng dạy kinh văn, truyền bá giáo lý, và hướng dẫn các tín đồ trong việc tu tập.
- 9 Thủy hỏa luyện độ nghi (水火煉度儀) là một thuật ngữ liên quan đến phương pháp tu luyện nội đan và đạt đến sự giác ngộ thông qua việc hòa hợp và cân bằng hai nguyên tố cơ bản của vũ trụ: thủy (nước) và hỏa (lửa); tập trung vào việc luyện khí và điều chỉnh năng lượng trong cơ thể.
- 10 Theo Đạo sĩ Nguyễn Tông Nhuệ (2021), *Cấp bậc đạo sĩ trong Đạo giáo*, Đăng trên <https://thocung.com/cap-bac-dao-si-trong-dao-giao.html>, Ngày đăng tải 17/07/2021, truy cập tháng 6/2022.
- 11 Tứ hỉ gồm: Trà, rượu, mì sợi, cơm. Bốn món cúng dường là: Bông hoa, nước trà, nhang, đèn sáp. Trong đó, nhang tượng trưng cho sự “vô vi”, bông hoa tượng trưng cho “tự nhiên”, nước trà tượng trưng cho “thanh tịnh”, đèn sáp tượng trưng cho sự biến hóa theo chiều thuận, nghĩa là bốn món nêu lên ý niệm cơ bản của Đạo giáo: “thanh tịnh, vô vi, tự nhiên, thuận hóa”; Bảy món cúng dường là: Nhang, hoa, đèn sáp, nước trà, trái cây, cơm, âm nhạc; Mười món cúng dường là: Nhang, đèn, bông, trái, trà, cơm, rau cải, vàng bạc, châu ngọc, y phục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tôn Diệc Bình (Nguyễn Thế Nam lược dịch), *Bàn về sự truyền bá và giao thoa Đạo giáo ở Đông Nam Á (lấy Đạo giáo Nam truyền vào Việt Nam làm ví dụ)*, Nghiên cứu Tôn giáo, số 5(185), 2019.
2. Nam Hoài Cẩn (南怀瑾, 1996), *中国道教发展史略* (Lược sử phát triển của Đạo giáo Trung Quốc), Nxb. Đại học Phúc Đán, Trung Quốc.
3. Lý Cương (李刚, 1997), *古今中外宗教概观* (Tổng quan về tôn giáo trong và ngoài Trung Quốc từ xa xưa đến nay), Nhà sách Ba Thục xuất bản và phát hành, Trung Quốc.
4. Nhậm Kế Dũ (任繼愈, 1990), *中国道教史* (Lịch sử Đạo giáo Trung Quốc), Nxb. Nhân Dân Thượng Hải, Trung Quốc.
5. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.
6. Nguyễn Duy Hình (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. KHXH.
7. Viên Chí Hồng (袁志鸿, 1998), *道教神仙故事* (Câu chuyện về Thần Tiên trong Đạo giáo), Nxb. Văn nghệ đại chúng, Trung Quốc.
8. Trần Trọng Kim (2019), *Đạo giáo*, Nxb. Tổng hợp T.p Hồ Chí Minh.
9. Lai Chi-Tim (2004), *Đạo giáo ở Trung Quốc ngày nay: 1980-2002*, in trong cuốn: Viện Thông tin Khoa học xã hội (2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Luo Shanxian (2004), *Nguồn gốc Đạo giáo và ý nghĩa gợi mở hiện thực của nó*, in trong cuốn: Viện Thông tin Khoa học xã hội (2004), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Tấn Tài, Phước Đức biên dịch (2006), *Từ điển thuật ngữ Đạo giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Vũ Như Tùng (宇汝松, 2017), *Đạo giáo Nam truyền tại Việt Nam*, Tê Lô thư xã, Sơn Đông, Trung Quốc.
13. Trần Cổ Ứng, Phùng Đạt Văn (陳鼓應, 馮達文, 2001), *Đạo gia và Đạo giáo*, Nxb. Nhân dân Quảng Đông, Trung Quốc.
14. Vũ Hồng Vận (2017), *Đạo giáo và những biểu hiện trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

Abstract

AN OVERVIEW OF TAOISM: FORMATION HISTORY, RITUALS, AND OBJECTS OF WORSHIP

Nguyen The Nam

Institute for Religious Studies, VASS

Chinese Taoism was formed during the Han Dynasty and developed by integrating various elements, creating a diverse religious tradition with significant influence on the culture of many countries. The components that constitute Taoism include divination; nature worship, ancestor and deity worship; the theory of immortals and alchemy; the philosophy derived from Lao Tzu's *Tao Te Ching*; the theory of yin and yang integrated into Taoism; traditional Chinese medicine and ancient knowledge of longevity. Among these, the practice of alchemy to seek immortality and elixirs became the main focus of orthodox Taoism (official Taoism), while the "Fuzhu" school also became a large and influential folk movement (popular Taoism). At certain points in history, Taoism was adopted and practiced by Chinese emperors, thereby establishing a prominent position in the political landscape of the feudal state. Each Taoist sect, as well as Taoism in different countries, has its unique rituals (including secretive religious practices) and objects of worship, which have led to the complexity, popularization, and localization of Taoism.

Keywords: Taoism, formation history, rituals, objects of worship